

* 生词表 *

Test 7 (Dictation Test on 10/07/19)

Students will need to write the simplified characters AND pinyin correctly.

简体	繁體	拼音	英文
吸管		xī guǎn	straw(s)
种类	種類	zhǒng lèi	variety/types
刚才	剛才	gāng cái	just now
健康		jiàn kāng	healthy
身体	身體	shēn tǐ	body
零食		líng shí	snacks/junk food
推车	推車	tūi chē	shopping cart
菜单	菜單	cài dān	menu
部分		bù fèn	part/section
照顾	照顧	zhào gù	to take care of
营养	營養	yíng yǎng	nutritious/nutrition

排队	排隊	pái duì	to line up
买单	買單	mǎi dān	to get the check (in a restaurant)

挑战词 (challenge words)

脂肪		zhǐ fáng	fat
肌肉		jī ròu	muscle(s)
小费	小費	xiǎo fèi	tip
服务员	服務員	fú wù yuán	waiter/waitress/server